

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Võ Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà

yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn N. Trong quá trình chung sống bà và ông N có ba người con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2008; Võ Thị Nhã H1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2014 và Võ Đăng K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017 con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với ông Võ Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông N vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Võ Văn N; giao ba người con chung cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Văn N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H. Ông Võ Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Văn N.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị H với ông Võ Văn N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Võ Văn N. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Võ Văn N nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông N vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Bà H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, hiện nay bà cuộc sống chung không hòa thuận, mục đích của hôn nhân không đạt được. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H với ông Võ Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn N.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H với ông Võ Văn có ba người con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2008; Võ Thị Nhã H1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2014 và Võ Đăng K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017, ba người con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi ba người con chung. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Võ Văn N nhưng ông N không có ý kiến gì về yêu cầu của bà H về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà H và ông N không còn chung sống đến nay con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi của con chung và nguyện vọng của hai người con chung tên Võ Thị Nhã H1 và Võ Chí T nên Hội đồng xét xử giao ba người con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2008; Võ Thị Nhã H1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2014 và Võ Đăng K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn N.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người ba con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2008; Võ Thị Nhã H1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2014 và Võ Đăng K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị H

trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0017644 ngày 01 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều